

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN-
BỘ CÔNG AN
Số: 01/2001/TTLT/TCBĐ-
BCA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2001

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông

Ngày 12/11/1997, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/1997/NĐ-CP về bưu chính và viễn thông. Để thi hành các quy định của Nghị định này, Tổng cục Bưu điện và Bộ Công an thống nhất hướng dẫn một số điểm về bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây viết gọn là cơ quan, tổ chức, cá nhân) bao gồm bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh đối với các việc thiết lập mạng lưới bưu chính, viễn thông; cung cấp và sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát vô tuyến điện; thi công lắp đặt công trình bưu chính, viễn thông.

2. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông đều phải chấp hành pháp luật về bưu chính, viễn thông; có trách nhiệm bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông; chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra và thực hiện các yêu cầu về bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin của Tổng cục Bưu điện, Bộ Công an và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

II. BẢO ĐẢM AN TOÀN MẠNG LƯỚI BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Việc bảo đảm an toàn mạng lưới bưu chính, viễn thông thực hiện như sau:

1. Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an xem xét, thẩm định danh mục công trình bưu chính, viễn thông trọng điểm do doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đề xuất để trình Chính phủ phê duyệt danh mục công trình bưu chính, viễn thông cần được lực lượng cảnh sát nhân dân canh gác, bảo vệ.

Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức, triển khai lực lượng cảnh sát nhân dân canh gác, bảo vệ các công trình trọng điểm thuộc danh mục Chính phủ đã phê duyệt.

2. Doanh nghiệp bưu chính, viễn thông (sau đây viết tắt là doanh nghiệp) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công an tiến hành:

a. Xây dựng các phương án bảo vệ; phòng, chống cháy, nổ; tuần tra, kiểm tra đột xuất và định kỳ mạng lưới và các công trình bưu chính, viễn thông; các công trình trọng điểm thuộc danh mục đã được Chính phủ phê duyệt;

b. Xây dựng phương án phối hợp hành động khi có tình huống khẩn cấp xảy ra như đột nhập, phá hoại mạng lưới và các công trình bưu chính, viễn thông;

c. Tổ chức lực lượng bảo vệ, trang bị các thiết bị bảo vệ mạng lưới và các công trình bưu chính, viễn thông thuộc quyền quản lý.

3. Các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 mục II của Thông tư này và huấn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ cho doanh nghiệp trên cơ sở hợp đồng giữa 2 bên.

4. Chủ mạng viễn thông dùng riêng, chủ mạng nội bộ, đại lý bưu chính, viễn thông và người sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông có trách nhiệm:

a. Bảo vệ an toàn hoạt động mạng lưới, thiết bị đầu cuối thuê bao và mật khẩu truy nhập của mình;

b. Không được lợi dụng hoặc để người khác lợi dụng mạng lưới, thiết bị đầu cuối thuê bao và mật khẩu truy nhập của mình gây nhiễu, gây rối loạn, phá hoại hoạt động mạng lưới và các công trình bưu chính, viễn thông;

c. Phát hiện, thông báo đầy đủ, kịp thời những hoạt động phá hoại mạng lưới và các công trình bưu chính, viễn thông cho doanh nghiệp, các đơn vị thuộc Tổng cục Bưu

điện, các đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an và Ủy ban nhân dân các cấp.

III. BẢO ĐẢM AN NINH THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Việc bảo đảm an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông thực hiện như sau:

1. Đối với việc cấp phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và sử dụng thiết bị phát, thu phát vô tuyến điện cho tổ chức, cá nhân nước ngoài:

a. Trong thời hạn 10 ngày làm việc và trường hợp đặc biệt thì không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Bộ Ngoại giao và hồ sơ hợp lệ xin cấp phép của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và ưu đãi, miễn trừ lãnh sự, Bộ Công an có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao và Tổng cục Bưu điện. Trên cơ sở đó, Tổng cục Bưu điện xét cấp phép và thông báo cho Bộ Công an.

b. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của Tổng cục Bưu điện và hồ sơ hợp lệ xin cấp phép của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a nêu trên, Bộ Công an có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho Tổng cục Bưu điện. Trên cơ sở đó, Tổng cục Bưu điện xét cấp phép và thông báo cho Bộ Công an.

2. Đối với việc cấp phép thiết lập mạng lưới bưu chính, viễn thông công cộng; cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông; thiết lập mạng viễn thông dùng riêng; sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát vô tuyến điện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam:

Tổng cục Bưu điện thẩm định hồ sơ, xét cấp phép và thông báo bằng văn bản cho Bộ Công an. Trường hợp đã phân cấp quản lý cho các Cục Bưu điện khu vực thì Cục Bưu điện khu vực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, xét cấp phép và thông báo bằng văn bản cho Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Việc cấp phép thiết lập mạng, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet ở Việt Nam thực hiện theo các quy định hiện hành của Tổng cục Bưu điện, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan.